TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/KDTM-ST
Ngày: 07-3-2022
V/v tranh chấp hợp đồng góp vốn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Thuần;
2. Bà Nguyễn Thị Thu Thủy;

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Lê, Thư ký Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Trương Thị Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2021/TLST–KDTM ngày 15 tháng 01 năm 2021 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp vốn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 37/2022/QĐST-KDTM ngày10 tháng 02 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1972
Địa chỉ: 42/3/12H, Khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thủy T, sinh năm 1997, trú tại 95/46, Khu phố 8, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 14/10/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng NT).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

2. Bị đơn:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP
Địa chỉ: 425/17/6 HHG, Khu phố 5, phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Tôn Đức H, sinh năm 1971, trú tại 425/17/6 HHG, Khu phố 5, phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – Là người đại diện theo pháp luật.

(Vắng mặt)

2.2. Ông Tôn Đức H, sinh năm 1971

Địa chỉ: 425/17/6 HHG, Khu phố 5, phường TX, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức Đ, sinh năm 1972

Địa chỉ: 42/3/12H, Khu phố 9, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Ngô Thủy T, sinh năm 1997, trú tại 95/46, Khu phố 8, phường TP, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai - Là người đại diện theo ủy quyền (Theo Giấy ủy quyền ngày 16/10/2020 được công chứng tại Văn phòng Công chứng NT).

(Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Về nội dung, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Trong đơn khởi kiện ngày 14 tháng 10 năm 2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện nguyên đơn trình bày như sau:

Do chồng của bà Lê Thị Th là ông Nguyễn Đức Đ có quan hệ bạn bè với ông Tôn Đức H – Đại diện theo pháp luật của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP (Sau đây gọi tắt là công ty), nên bà Th đồng ý góp vốn kinh danh bất động sản vào công ty.

Ngày 20/01/2020, bà Lê Thị Th góp cho công ty số tiền 300.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận thời hạn 30 ngày công ty sẽ trả tiền vốn góp và lợi nhuận chia theo tỉ lệ vốn góp, được tính theo phương thức như sau: 100.000.000 đồng vốn góp sẽ được chia lợi nhuận 22.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi đến hẹn, công ty không trả vốn và lợi nhuận cho bà Th. Hai bên thỏa thuận bằng hình thức miệng rằng, số tiền vốn gốc 300.000.000 đồng công ty chưa trả cho bà Th sẽ chuyển thành vốn góp của bà Th cho tháng chưa trả và vẫn chia lợi nhuận như thỏa thuận ban đầu. Tính đến ngày 20/4/2020, tổng lợi nhuận của 03 đợt là 198.000.000 đồng. Do cần tiền nên bà Th yêu cầu công ty trả lợi nhuận. Thực tế, sau khi thương lượng, công ty đã trả cho bà Th 160.000.000 đồng lợi nhuận vào ngày 07/4/2020. Riêng vốn gốc 300.000.000 đồng phía công ty chưa hoàn trả cho bà Th.

Đồng thời, ngày 16/4/2020, bà Th chuyển 200.000.000 đồng cho ông Tôn Đức H để góp vốn đầu tư bất động sản. Ông H hẹn ngày 29/4/2020 sẽ hoàn trả vốn và lợi nhuận cho bà Th như thỏa thuận chia lợi nhuận giữa bà Th với công ty. Tuy nhiên, đến nay ông H vẫn chưa trả vốn gốc và lợi nhuận cho bà Th.

Số tiền góp vốn là tài sản chung của vợ chồng bà Th. Do đó, bà Th đề nghị Tòa án buộc công ty trả 300.000.000 đồng và ông Tôn Đức H trả 200.000.000 đồng vốn góp cho vợ chồng bà.

* Về ý kiến, đề nghị của bị đơn:

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cũng như người đại diện theo pháp luật của bị đơn không đến tòa cũng không gởi văn bản trả lời về nội dung đơn khởi kiện của phía nguyên đơn mặc dù đã được Tòa án nhân dân Quận 12 tống đạt thông báo thụ lý và triệu tập đến tòa để giải quyết vụ kiện.

* Về ý kiến, đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – Ông Nguyễn Đức Đ:

Tại bản tự khai ngày 03 tháng 12 năm 2021, đại diện theo ủy quyền của ông Đ trình bày ý như sau: Ý kiến của ông Đ hoàn tòa giống như trình bày của bà Th.

* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12 tham gia phiên tòa có ý kiến như sau:

Về thủ tục tố tụng: Thủ tục khởi kiện và thụ lý vụ án thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền. Việc tống đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát nghiên cứu thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử tuân theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Đề nghị khắc phục vi phạm về thời hạn đưa vụ án ra xét xử. Ngoài ra còn nhận xét về việc tham gia tố tụng của các đương sự.

Về nội dung: Các yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Nguyên đơn và các bị đơn cùng góp vốn để "Đầu tư mua bất động sản". Phía bị đơn vi phạm thỏa thuận nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền đã góp. Tranh chấp hợp đồng hợp tác này phát sinh trong hoạt động kinh doanh giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận. Theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng :

Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; bị đơn vắng mặt mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về yêu cầu của các đương sự:

[3.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP trả tiền vốn góp 300.000.000 đồng:

Ngày 20/01/2020, có một Hợp đồng góp vốn kinh doanh được xác lập, trong đó thể hiện:

Bên A: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP

Bên B: Bà Lê Thị Th.

Mặc dù đã ghi rõ Bên A là công ty nhưng phần đóng dấu thì phía công ty đóng dấu mộc của chi nhánh công ty. Tuy nhiên, xét thấy, Đại diện theo pháp luật của công ty là ông Tôn Đức H chính là người đứng ra thỏa thuận, giao kết và ký tên vào hợp đồng nên có cơ sở xác định bên giao kết hợp đồng với bà Th là Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP. Phía nguyên đơn là bà Lê Thị Th đủ năng lực hành vi dân sự để ký kết hợp đồng góp vốn. Hợp đồng thể hiện sự tự nguyện của các bên, nội dung không trái đạo đức xã hội, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên phát sinh hiệu lực theo quy định tại Điều 401 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Theo trình bày của nguyên đơn, ngay sau khi ký hợp đồng ngày 20/01/2020, nguyên đơn đã giao cho công ty do ông Tôn Đức H đại diện nhận số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn hợp đồng là 30 ngày kể từ ngày 20/01/2020. Lợi nhuận chia theo tỉ lệ vốn góp, được tính theo phương thức như sau: 100.000.000 đồng vốn góp sẽ được chia lợi nhuận 22.000.000 đồng. Hết 30 ngày theo hợp đồng, các bên thỏa thuận gia hạn hợp đồng theo mỗi đợt 30 ngày, các bên đã hợp tác kinh doanh được 03 đợt. Bà Th khai đã nhận lợi nhuận của 03 đợt là 160.000.000 đồng. Phía bị đơn không có ý kiến phản hồi và tranh chấp lợi nhuận đã chia nên Tòa án không xem xét phần này. Bị đơn đã được Tòa án thông báo việc nguyên đơn khởi kiện đòi tiền vốn góp nhưng không phản đối. Theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do nguyên đơn đưa ra. Xác định, các bên đã thực hiện được 03 đợt hợp tác, mỗi đợt có thời hạn 30 ngày, đợt 01 tính từ ngày 20/01/2020. Bà Th đã thông báo chấm dứt việc hợp tác và đòi vốn góp nhưng đến nay bị đơn chưa hoàn trả vốn góp 300.000.000 đồng cho nguyên đơn là vi phạm mục 5 của Hợp đồng góp vốn ngày 20/01/2020. Căn cứ Điều 512 của Bộ luật Dân sự năm 2015, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền vốn góp 300.000.000 đồng.

[3.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc ông Tôn Đức H trả tiền vốn góp 200.000.000 đồng:

Hồ sơ thể hiện, bà Lê Thị Th có chuyển 200.000.000 đồng theo giấy nộp tiền mặt số 0020 ngày 16/4/2020 tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai. Tiền được chuyển cho chủ tài khoản Tôn Đức H, số tài khoản 0501000027805 tại Ngân hàng TMCP NT - Chi nhánh Bắc Sài Gòn-TP.HCM. Theo bà Th trình bày, bà chyển tiền để góp vốn kinh doanh nhưng đến nay vẫn chưa nhận được lợi nhuận và vốn gốc. Nay bà kiện đòi số tiền đã gởi. Ông Tôn Đức H đã được Tòa án thông báo việc nguyên đơn khởi kiện đòi tiền đã chuyển nhưng không phản đối. Theo quy định tại Điều 91 và Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản do nguyên đơn đưa ra, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc ông Tôn Đức H hoàn trả số tiền 200.000.000 đồng cho bà Th.

[4] *Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:*

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là: 5% x 300.000.000 đồng = 15.000.000 đồng; Ông Tôn Đức H phải chịu án phí là 5% x 200.000.000 đồng = 10.000.000 đồng.

Hoàn trả cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào các điều 401 và 512 của Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào các Điều 2, 6, 7, 9, 30 Luật Thi hành án Dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014);

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn:

1.1. Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP phải trả cho bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Đức Đ số tiền 300.000.000 (Ba trăm triệu) đồng mà bà Lê Thị Th đã góp cho công ty theo "Hợp đồng góp vốn kinh doanh" ngày 20/01/2020;

Kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng Công ty Trách nhiệm hữu hạn ĐT và PT HLP còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

1.2. Buộc ông Tôn Đức H phải trả cho bà Lê Thị Th và ông Nguyễn Đức Đ số tiền 200.000.000 (Hai trăm triệu) đồng mà bà Lê Thị Th đã chuyển cho ông H

theo giấy nộp tiền mặt số 0020 ngày 16/4/2020 tại Ngân hàng TMCP ĐT và PT Việt Nam – Chi nhánh Đồng Nai;

Kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2022 cho đến khi thi hành án xong khoản tiền nói trên, hàng tháng ông Tôn Đức H còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đầu tư và Phát triển HLP phải chịu án phí là 15.000.000 (Mười lăm triệu) đồng;

2.2. Ông Tôn Đức H phải chịu án phí là 10.000.000 (Mười triệu) đồng;

2.3. Hoàn trả cho bà Lê Thị Th 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0105958 ngày 15 tháng 01 năm 2021 của Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện Kiểm sát nhân dân Quận 12;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huyền Tôn Nữ Kiều Hạnh